TAND THÀNH PHỐ L **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố L, ngày 12 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh Lương Xuân T, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số nhà 10, phố Xuân Diệu, tổ 10, phường T, thành phố L, tỉnh L.

- Chị Đỗ Thị L, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số nhà 10, phố Xuân Diệu, tổ 10, phường T, thành phố L, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 04 tháng 11 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Lương Xuân T và chị Đỗ Thị L trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Xuân T và chị Đỗ Thị L là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 11/01/2008 của Ủy ban nhân dân xã Hoà Bình, huyện K, tỉnh T. Đến nay anh T, chị L đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên được chấp nhận.

[2] Anh Lương Xuân T và chị Đỗ Thị L đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình và không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính

đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lương Xuân T và chị Đỗ Thị L.

- **Về việc nuôi con**: Anh Lương Xuân T và chị Đỗ Thị L có 01 con chung là cháu Lương Xuân H, sinh ngày 05/02/2009. Anh T, chị L thoả thuận:

+ Chị Đỗ Thị L sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lương Xuân H đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T, chị L thoả thuận: Anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lương Xuân H, sinh ngày 05/02/2009 số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 25/11/2024 cho đến khi con chung cháu Lương Xuân H thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lương Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án, anh T chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- **Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung**: Anh Lương Xuân T và chị Đỗ Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. **Về lệ phí Tòa án:** Anh Lương Xuân T và chị Đỗ Thị L thỏa thuận, chị L là người nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận chị Đỗ Thị L đã nộp đủ số tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 00001020 ngày 14/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

T hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Hoà Bình, huyện K, tỉnh T;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA dân sự TP L;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga